

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 169/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 / 3 / 2021.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Bền**.

Bà Dương Thị Thu vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Thị Trà My** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 667/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1985 (có mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp LT, xã LA, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh **Lê Hoàng M**, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn ngày 21 tháng 8 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh V trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng M quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp. Chị và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/3/2008, hiện nay cháu T đang sống với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Hoàng M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; được thông báo về các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh M không cung cấp ý kiến cho Tòa án và không tham dự các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với đương sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho chị V được ly hôn với anh M. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh T cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn là anh Lê Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Hoàng M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh V, xét thấy:

Chị Nguyễn Thanh V và anh Lê Hoàng M chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 12/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua xem xét lời trình bày của chị V, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định, sau khi kết hôn thời gian đầu chị V và anh M chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Chị V và anh M đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, thời gian phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị V và anh M đã kéo dài, từ lúc ly thân cho đến nay chị V và anh M không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, khi chị V yêu cầu ly hôn anh M không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị V, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, điều đó chứng tỏ anh M không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị V yêu cầu ly hôn với anh M là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị V và anh M có 01 con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/3/2008, hiện nay cháu T đang sống với chị V. Xét thấy, cháu T đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị V. Từ lúc chị V và anh M sống ly thân cháu T sống với chị V được chị V chăm sóc tốt. Để đảm bảo sự ổn định, không làm xáo trộn cuộc sống của cháu T, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị V yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi cháu Lê Minh T mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con, do đó việc chị V yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung Lê Minh T mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh V phải chịu án phí ly hôn, anh Lê Hoàng M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[5] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thanh V.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh V được ly hôn với anh Lê Hoàng M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Minh T, sinh ngày 10/3/2008 cho chị Nguyễn Thanh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Lê Hoàng M được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh Lê Hoàng M cấp dưỡng nuôi con chung Lê Minh T, sinh ngày 10/3/2008 mỗi tháng 1.000.000đ, thực hiện cấp dưỡng sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Lê Minh T tròn 18 tuổi.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thanh V chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003314

ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, do đó xem như đã nộp xong án phí.

- Anh Lê Hoàng M phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Chị Nguyễn Thanh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Hoàng M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ Bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÍ

Trần Văn Nhơn